

Chương: 622

Vị: Trường Mầm Non Phước Thạnh

ĐVQHNS: 1112497

Cấp NS:

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 3 năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
ặc biệt	00						434.987.221	1.190.764.850	434.987.221	1.190.764.850
đục mầm non		071					434.987.221	1.190.764.850	434.987.221	1.190.764.850
lương			6000				191.798.334	573.639.534	191.798.334	573.639.534
g theo ngạch, bậc			6001				191.798.334	573.639.534	191.798.334	573.639.534
công trả cho vị trí lao động thường xuyên hợp đồng			6050				4.718.700	14.156.100	4.718.700	14.156.100
công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo đồng			6051				4.718.700	14.156.100	4.718.700	14.156.100
cấp lương			6100				104.695.916	309.480.890	104.695.916	309.480.890
cấp chức vụ			6101				5.733.000	17.199.000	5.733.000	17.199.000
cấp ưu đãi nghề			6112				72.979.912	214.915.838	72.979.912	214.915.838
cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				3.510.000	10.530.000	3.510.000	10.530.000
cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên			6115				22.473.004	66.836.052	22.473.004	66.836.052
lợi tập thể			6250				66.000.000	66.000.000	66.000.000	66.000.000
hác			6299				66.000.000	66.000.000	66.000.000	66.000.000
hoàn đóng góp			6300				53.258.250	166.112.924	53.258.250	166.112.924
tiêm xã hội			6301				39.590.121	124.246.711	39.590.121	124.246.711
tiêm y tế			6302				6.786.878	21.299.608	6.786.878	21.299.608
phí công đoàn			6303				4.618.959	13.466.737	4.618.959	13.466.737
tiêm thất nghiệp			6304				2.262.292	7.099.868	2.262.292	7.099.868
h toán dịch vụ công cộng			6500				4.569.621	13.296.020	4.569.621	13.296.020
tiện			6501				3.979.938	12.706.337	3.979.938	12.706.337

Chương: 622
 Vị: Trường Mầm Non Phước Thạnh
 ĐVQHNS: 1112497
 cấp NS:

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
vệ sinh, môi trường			6504				589.683	589.683	589.683	589.683
ng tin, tuyên truyền, liên lạc			6600				7.203.000	7.820.982	7.203.000	7.820.982
c phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax			6601					22.000		22.000
thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, phí Internet, thuê đường truyền mạng			6605				7.203.000	7.798.982	7.203.000	7.798.982
chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên và các công trình cơ sở hạ tầng			6900					37.515.000		37.515.000
ng điện, cấp thoát nước			6921					37.515.000		37.515.000
phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			7000				2.743.400	2.743.400	2.743.400	2.743.400
khác			7049				2.743.400	2.743.400	2.743.400	2.743.400
Cộng:							434.987.221	1.190.764.850	434.987.221	1.190.764.850
n ĐVSDNS ghi:										

chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần ĐVSDNS ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm Non Phước Thạnh

ĐVQHNS: 1112497

Cấp NS:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày tháng năm

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 30 tháng 3 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Trần Anh Thông

Nguyễn Thị Kiều Oanh

